

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2026

V/v : “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Thanh Tòng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Sơn Thanh Huyền**

2. Bà **Đặng Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lý Ngọc Thảo** –Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long: Vụ án thuộc trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc H**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T do tự quen biết, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý, có tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy Ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại gia đình bên chị. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn

Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng không đạt hiệu quả. Chị và anh T đã ly thân nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay, anh T về sống bên gia đình anh T ở xã T, tỉnh Vĩnh Long không còn quan tâm chăm sóc vợ con.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 02/12/2016 hiện đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án. Anh T không cung cấp bản khai ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng, anh T cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa. Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là cơ sở giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị theo quy định của pháp luật từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T làm đám cưới năm 2015, làm thủ tục kết hôn và được Ủy Ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2020. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Hai bên không gặp gỡ hoặc liên lạc với nhau, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị H với anh T có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 02/12/2016, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Ngoài ra cháu Bùi Thị Ngọc H1 có nguyện vọng sống chung với mẹ, khi cha mẹ ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung của chị H là phù hợp với điều kiện sống thực tế của chị H và con chung, phù hợp nguyện vọng của con chung đảm bảo cuộc sống của con chung được ổn định, không bị ảnh hưởng tiêu cực nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị H có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H

1/. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 02/12/2016 cho chị Bùi Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

3/. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N⁰005126 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long

5/. Án xử công khai có mặt nguyên đơn, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4- Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4-Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

đã ký

Hồ Thanh Tòng